

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/KDTM-PT
Ngày 14-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2026/TLPT-KDTM ngày 11/02/2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 01/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2025/QĐ-PT ngày 27/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần () S - Hà Nội (S)

Địa chỉ: Số G T, Phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Người được ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Q - Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng TMCP S1, Chi nhánh T5 (theo văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/07/2023 của Tổng Giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc T - Chuyên viên xử lý nợ tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền số 260/2024/UQ-SHB ngày 17/09/2024).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Cây giống Huy Cường

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Huy C - Giám đốc Công ty.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Huy C, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Số A, Tổ G, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Cây giống Huy C (do ông Trần Huy C làm đơn kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S1, Chi nhánh T5 và Công ty TNHH C có ký kết Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số: 002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 30/7/2021 và Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: PL01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 08/9/2021 với nội dung như sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 23.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ đồng*). Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh cây giống.

Được giải ngân theo các Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước số 01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401, giải ngân ngày 02/8/2021; số tiền giải ngân 14.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ đồng*). Khế ước số 02-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401, giải ngân ngày 05/8/2021, số tiền giải ngân 4.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ đồng*). Khế ước số 03-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401, giải ngân ngày 10/9/2021, số tiền giải ngân: 5.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: năm tỷ đồng*).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản 01: Bất động sản tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; giấy chứng nhận (GCN) Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 482534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/02/2021; Thửa đất số 478, tờ bản đồ số 10; diện tích: 1375,9m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 1094,1m², đất trồng cây lâu năm 281,8m².

Tài sản 02: Bất động sản tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; GCN Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 482533, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06651 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/02/2021; Thửa đất số 477, tờ bản đồ số 10, diện tích: 638,4m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn (lâu dài), đất trồng cây lâu năm (sử dụng đến ngày 15/10/2043).

Tài sản 03: Bất động sản tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; GCN Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 842064, số

vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02131 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp ngày 13/12/2012, cập nhật biến động ngày 08/05/2019; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10, diện tích 7799,7m²; Hình thức sử dụng: riêng 7799,7m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 7399,7m²; Thời gian sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn (lâu dài), đất trồng cây lâu năm (sử dụng đến 15/10/2043).

Tài sản 04: Bất động sản tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; GCN Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 436699, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS05448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2018, cập nhật diện tích ngày 15/04/2020, cập nhật biến động chủ sở hữu ngày 01/09/2021; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9; Diện tích: 1752,9m² (ngày 15/04/2020: Nhà nước thu hồi một phần thửa đất số 180 diện tích 115,6m², diện tích còn lại là 1637,3m² có số hiệu thửa 180 theo quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 18/03/2020 của UBND huyện C về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ E đoạn từ bến phà Đ đến thị trấn M, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (đoạn xã P, huyện C); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng đất: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 06/12/2048.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng S đã giải ngân 03 lần với số tiền vay: 23.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ đồng*) cho Công ty TNHH C theo các Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- S đã giải ngân số tiền vay: 14.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ đồng*) cho Công ty TNHH C theo Khế ước nhận nợ số: 01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 02/8/2021, lãi suất cho vay trong hạn từ 02/8/2021 đến 01/11/2021 là 9,5%/năm, các lần tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ lần điều chỉnh gần nhất, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tại ngày 02/11/2021 và các lần tiếp theo bằng lãi suất cơ sở VNĐ tương ứng kỳ hạn vay 06 tháng của S tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 3,0%/ năm.

- S đã giải ngân số tiền vay: 4.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ đồng*) cho Công ty TNHH C theo Khế ước nhận nợ số: 02-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 05/8/2021, lãi suất cho vay trong hạn từ 05/8/2021 đến 04/11/2021 là 9,5%/năm, các lần tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ lần điều chỉnh gần nhất, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tại ngày 05/11/2021 và các lần tiếp theo bằng lãi suất cơ sở VNĐ tương ứng kỳ hạn vay 06 tháng của S tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 3,0%/ năm.

- S đã giải ngân số tiền vay: 5.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*) cho Công ty TNHH C theo Khế ước nhận nợ số: 03-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 10/9/2021, lãi suất cho vay trong hạn từ 10/9/2021 đến 09/12/2021 là 9,5%/năm, các lần tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ lần điều chỉnh gần nhất, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tại ngày 10/12/2021 và các lần tiếp theo bằng lãi suất cơ sở VNĐ tương ứng kỳ hạn vay 05 tháng của S tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 3,0%/ năm.

Tạm tính đến ngày 30/09/2025, Công ty TNHH C đang còn nợ S tổng số tiền là 39.818.195.089 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ tám trăm mười tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc 23.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.246.695.698 đồng, lãi quá hạn là 5.537.042.222 đồng, lãi chậm trả lãi là 34.457.169 đồng.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, S đã nhiều lần đôn đốc, gửi văn bản yêu cầu Công ty TNHH C thực hiện thanh toán nợ hoặc bàn giao tài sản đảm bảo, đồng thời tạo điều kiện cho Công ty TNHH C và bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S, tuy nhiên Công ty TNHH C và bên bảo đảm không thực hiện, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của S.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Công ty TNHH C phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 39.818.195.089 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ tám trăm mười tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 23.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.246.695.698 đồng, lãi quá hạn là 5.537.042.222 đồng, lãi chậm trả lãi là 34.457.169 đồng.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật từ ngày 01/10/2025 cho đến ngày Công ty TNHH C thanh toán toàn bộ khoản vay.

3. Trường hợp Công ty TNHH C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S1 được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp cho các khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH C đối với S Chi nhánh T5 và chi phí liên quan đến việc thi hành án (nếu có). Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng S.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Công ty TNHH C do ông Trần Huy C là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông C là khách hàng của Ngân hàng S chi nhánh T5. Trong khoảng thời gian khoảng từ tháng 6/2021 đến tháng 9/2021, ông đã được Giám đốc Ngân hàng S chi nhánh T5 là ông Thái Minh T1 duyệt vay số tiền 23.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ đồng*). Hợp đồng tín dụng được ký và giải ngân tại Văn phòng giao dịch Ngân hàng S tại thị xã G. Số tiền 23.000.000.000 đồng trên được giải ngân làm 03 lần.

Lần giải ngân thứ nhất với số tiền 14 tỷ đồng: Căn cứ vào khế ước nhận nợ ngày 02/8/2021 thì việc giải ngân 14 tỷ đồng nhằm mục đích giúp ông thanh toán tiền mua cây giống của một số người sau đây: Hoàng Kim Ngọc L. Số tài khoản: 070097826291 tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần S2 (S3) với tiền thanh toán là 5,2 tỷ đồng. Nguyễn Thanh P. Số tài khoản: 0241004101445 tại Ngân hàng

Thương mại Cổ phần N1 (V) với số tiền thanh toán là 4,5 tỷ đồng. Lê Nguyễn Quốc T2. Số tài khoản: 0241004082865 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (V) với số tiền thanh toán là 4,3 tỷ đồng.

Thực tế, cả ba người trên ông chưa từng ký hợp đồng mua bán cây giống và họ cũng chưa từng giao cây giống cho ông. Bên cạnh đó, cây giống ông đang bán có giá trị không quá cao, cơ sở của ông không quá lớn nên không thể nhập số lượng lớn cây giống như vậy và giá trị cao đến thế, tất cả việc này là do ông T1, ông H, cấu kết với những người trên để chiếm đoạt tài sản của ông. Sau khi giải ngân số tiền trên thì ông T1, ông H trả cho ông lại số tiền 6,3 tỷ đồng. Số tiền 7,7 tỷ đồng còn lại thì ông T1, ông H và bà L, ông P, ông T2 đã chiếm đoạt và không trả lại cho ông.

Lần giải ngân thứ hai: Căn cứ vào khế ước nhận nợ ngày 05/8/2021 thì việc giải ngân 4 tỷ đồng nhằm mục đích giúp ông thanh toán tiền mua cây giống của ông Huỳnh Tâm M, có số tài khoản 048106330001 mở tại Ngân hàng B. Trong khi đó, ông cũng không biết ông Huỳnh Tâm M là ai, cũng chưa từng giao dịch cây giống, cũng như giao nhận cây giống với ông Huỳnh Tâm M mà việc này là do ông T1, ông H, cấu kết với ông Huỳnh Tâm M để chiếm đoạt tài sản của ông. Sau khi giải ngân số tiền trên thì ông T1, ông H trả cho ông lại số tiền 2,7 tỷ đồng. Số tiền 1,3 tỷ đồng còn lại thì ông T1, ông H và Huỳnh Tâm M đã chiếm đoạt, không trả lại cho ông.

Lần giải ngân thứ ba: Căn cứ vào khế ước nhận nợ ngày 10/9/2021 thì việc giải ngân 05 tỷ đồng nhằm mục đích giúp ông thanh toán tiền mua cây giống của bà Huỳnh Thị D, Số tài khoản: 1022850302 tại Ngân hàng TMCP S2 Chi nhánh B1. Ông đã nhận đủ 05 tỷ nhưng ông H chỉ đạo buộc ông phải chuyển lại 4,5 tỷ đến số tài khoản của bà D (bên của ông H), do đó trong lần giải ngân thứ 3 thì ông chỉ có nhận được 500.000.000 đồng.

Như vậy, trong tổng số tiền 23 tỷ được giải ngân thì ông chỉ nhận được số tiền 9,5 tỷ đồng, số tiền 13,5 tỷ đồng còn lại ông chưa nhận được. Hiện ông được biết số tiền này giám đốc Ngân hàng S chi nhánh T5 là ông Thái Minh T1 và ông Nguyễn Thanh H (Trưởng phòng định giá Ngân hàng S chi nhánh T5) là người đang giữ số tiền trên của ông. Ông đã yêu cầu ông T1, ông H trả nhiều lần nhưng hai người trên không chịu trả lại cho ông.

Trước khi được vay số tiền trên ông có nhờ ông Thái Minh T1 và ông Nguyễn Thanh H (Trưởng phòng định giá Ngân hàng S chi nhánh T5) giúp ông sớm duyệt vay và giải ngân số tiền 23.000.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ đồng). Lợi dụng việc đó, ông T1 và ông H buộc ông phải đưa 270.000.000 đồng và sau đó yêu cầu đưa tiếp 500.000.000 đồng để được duyệt vay và giải ngân sớm hơn những khách hàng khác. Lúc đó, ông đang có nhu cầu về vốn lớn nên đã đưa số tiền trên cho ông T1 và ông H. Tuy nhiên, đến trước ngày giải ngân thì ông L1 (người giới thiệu ông biết ông T1 và ông H) yêu cầu ông phải chuyển tiền cho ông T1 và ông H thêm 200.000.000 đồng. Lúc đó, ông đã phải vay nợ nóng số tiền nói trên để đưa tiền cho ông L1 (tại Bệnh viện N2, thành phố B).

Như vậy, ở giai đoạn chưa được giải ngân thì ông T1, ông H, ông L1 đã

buộc ông đưa số tiền lên đến 970.000.000 đồng, nếu ông không đưa thì ông T1, ông H sẽ chậm giải ngân, trong khi giấy tờ ông đã đủ điều kiện giải ngân. Do cần tiền nên ông buộc phải đưa số tiền trên cho ông T1, ông H, ông L1 nhưng hoàn toàn không tự nguyện.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N vắng mặt và không có lời trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2025/KDTM-ST ngày 01/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 (S) đối với Công ty TNHH C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 (S) tổng số tiền là 39.818.195.089 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ tám trăm mười tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng*), trong đó dư nợ gốc hiện tại là 23.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.246.695.698 đồng, lãi quá hạn là 5.537.042.222 đồng, lãi chậm trả lãi là 34.457.169 đồng

Công ty TNHH C phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số: 002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 30/7/2021; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: PL01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 08/9/2021 và các Khế ước nhận nợ số 01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 02/8/2021; số 02-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 05/8/2021 và số 03-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 10/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP S1 (S), Chi nhánh T5 với Công ty TNHH C đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 01/10/2025 đến khi thi hành án xong.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH C không thanh toán hết các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP S1 (S) thì Ngân hàng TMCP S1 (S) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích: 638,4m² thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 10; xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 482533, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06651 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/02/2021 cho ông Trần Huy C;

- Quyền sử dụng đất có diện tích: 1375,9m² thuộc thửa đất số 478, tờ bản đồ số 10; xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 482534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/02/2021 cho ông Trần Huy C;

- Quyền sử dụng đất có diện tích: 7799,7m² thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10; xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 842064, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02131 do UBND huyện C cấp ngày 13/12/2012, cập nhật biến động ngày 08/05/2019;

- Quyền sử dụng đất có diện tích: 1752,9 m² thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9; xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 436699, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS05448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2018, cập nhật diện tích ngày 15/04/2020, cập nhật biến động chủ sở hữu ngày 01/09/2021;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH C đối với Ngân hàng TMCP S1 (S). Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S1 (S).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/11/2025, bị đơn Công ty TNHH C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền đã giải ngân cho bị đơn, đồng thời các thửa đất hiện nay có tranh chấp, có tài sản của những người khác nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa những người này vào tham gia tố tụng và xem xét các vấn đề có liên quan đến các thửa đất mà bị đơn đã trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông C trình bày: Hiện nay, thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10 đang có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị H1 với ông Trần Huy C, vụ án đã được Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long thụ lý. Đồng thời, ông yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của những người ký hợp đồng mua bán cây giống và nhận tiền giải ngân từ ngân hàng; giám định chữ ký, chữ viết của bộ phận kế toán Ngân hàng S khi thực hiện thủ tục giải ngân cho bị đơn vì khi ông ký tên thì các giấy tờ này không có nội dung. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người tham gia tố tụng, trong khi tài sản thế chấp đang có tranh chấp là vì phạm thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định, khi giải quyết lại vụ án thì nhập vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nêu trên vào vụ án này để giải quyết toàn diện vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, ông T trình bày: Đối với đề nghị giám định, nếu có căn cứ thì ông C có quyền khởi kiện trong vụ án khác, bởi vì trong vụ án này những người nhận tiền đều được thực hiện theo ủy nhiệm chi của Công ty TNHH C. Đối với việc giải ngân, ông C có tố cáo đến cơ quan chức năng và đã có kết luận không có sự việc phạm tội. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của bị đơn liên quan đến khoản nợ gốc, tiền lãi và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất 477, 478 tờ bản đồ số 10 và thửa đất 180, tờ bản đồ số 9 là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ đây là tài sản riêng của bà Lê Thị H1 hay tài sản chung của hộ gia đình, trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho “hộ bà Lê Thị H1”; đồng thời chưa xác minh đầy đủ tính hợp pháp của việc bà H1 chuyển nhượng thửa đất này cho ông Trần Huy C vào năm 2019. Mặc dù bà H1 và các thành viên trong hộ có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến tài sản thế chấp và đã có ý kiến đối với vụ án, nhưng cấp sơ thẩm không đưa họ tham gia tố tụng, đồng thời không xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ do bà H1 cung cấp. Thiếu sót này có thể ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của họ khi xử lý tài sản thế chấp. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, ông C cung cấp thông báo thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10 nêu trên. Như vậy, kháng cáo của bị đơn có căn cứ để chấp nhận một phần.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH C, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với việc giải quyết Hợp đồng thế chấp số 002.2/2021/HĐTC-PN/SHB.131401 liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10, diện tích 7.799,7m², tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long), để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Ông C không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của Công ty TNHH C; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 30/7/2021; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 08/9/2021 và các Khế ước nhận nợ số 01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 02/8/2021; số 02-

002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 05/8/2021; số 03-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 10/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP S1 (S), Chi nhánh T5 với Công ty TNHH C được các bên tự nguyện giao kết, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

Căn cứ các Ủy nhiệm chi, chứng từ giải ngân có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Ngân hàng S đã giải ngân cho Công ty TNHH C tổng số tiền 23.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH C giống Huy C mới thanh toán được số tiền 936.936.926 đồng, không thực hiện đúng việc trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận. Theo các khế ước nhận nợ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, đến nay toàn bộ khoản vay đã quá hạn thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 39.818.195.089 đồng, gồm nợ gốc 23.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 11.246.695.698 đồng, lãi quá hạn 5.537.042.222 đồng và lãi chậm trả lãi 34.457.169 đồng; đồng thời tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận kể từ ngày 01/10/2025 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ, phù hợp Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với lời trình bày của ông Trần Huy C cho rằng trong số tiền 23.000.000.000 đồng được giải ngân thì ông chỉ nhận được 9.500.000.000 đồng, số tiền còn lại do ông Thái Minh T1 và ông Nguyễn Thanh H chiếm giữ; đồng thời cho rằng ông T1, ông H cấu kết với các cá nhân khác để chiếm đoạt tiền vay:

Đối với nội dung ông C cho rằng ông Thái Minh T1 và ông Nguyễn Thanh H có hành vi chiếm đoạt tiền vay của ông, hồ sơ vụ án thể hiện ông C đã có đơn yêu cầu, tố giác gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Tuy nhiên, cơ quan Công an đã có văn bản trả lời không có căn cứ xác định có sự việc phạm tội xảy ra. Mặt khác, ngoài lời trình bày của mình thì ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của những người có liên quan đến các hợp đồng mua bán cây giống và hồ sơ giải ngân số tiền 23.000.000.000 đồng theo các ủy nhiệm chi vì cho rằng ông T1, ông H cấu kết với những người này chiếm đoạt tiền của ông. Tuy nhiên, như đã phân tích, ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh, cơ quan Công an cũng đã kết luận không có sự việc phạm tội. Hơn nữa, trong các giấy ủy nhiệm chi đều có đóng dấu của Công ty TNHH C nên có giá trị pháp lý. Do đó, việc giám định chữ ký trong trường hợp này là không cần thiết.

Mặt khác, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng; nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà Công ty TNHH C giống Huy C đã ký kết với Ngân hàng S. Trường hợp ông C cho rằng có hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác của cá nhân liên quan thì ông có quyền tố giác đến cơ quan có thẩm quyền hoặc khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định

pháp luật; không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng S trong vụ án này.

[2.3] Đối với các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 002.1/2021/HĐTC-PN/SHB.131401 ngày 30/7/2021; số 002.2/2021/HĐTC-PN/SHB.131401 ngày 30/8/2021; số 002.3/2021/HĐTC-PN/SHB.131401 ngày 08/9/2021 giữa Ngân hàng S với ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N:

Các hợp đồng thế chấp được lập bằng văn bản, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Nội dung hợp đồng thể hiện tài sản bảo đảm mà các bên thỏa thuận thế chấp chỉ là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 477, 478, 180 tờ bản đồ số 10 và thửa 180 tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); không có nội dung thỏa thuận thế chấp tài sản gắn liền với đất.

Theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320 Bộ luật Dân sự năm 2015, phạm vi bảo đảm được xác định theo thỏa thuận của các bên. Trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất thì quyền sở hữu đối với tài sản trên đất của người khác (nếu có) vẫn được pháp luật bảo vệ và không đương nhiên thuộc phạm vi xử lý tài sản bảo đảm.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị H1, bà Võ Thị Thanh L2, ông Trần Văn Đ và ông Thái Ngọc T3 có gửi đơn trình bày ý kiến cho rằng đã cho ông Trần Huy C mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có quan hệ hợp tác đầu tư, cho thuê đất hoặc có tài sản trên đất liên quan đến các thửa đất đang thế chấp. Tuy nhiên, những người này không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh họ là chủ sử dụng hợp pháp đối với các quyền sử dụng đất đã thế chấp hoặc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các hợp đồng thế chấp vô hiệu. Mặt khác, các ý kiến trình bày nêu trên thực chất là tranh chấp khác liên quan đến tài sản trên đất, quan hệ hợp tác đầu tư, cho thuê hoặc các giao dịch dân sự khác, không làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH C đối với Ngân hàng S trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này.

Theo hướng dẫn của Án lệ số 11/2017/AL, trường hợp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất nhưng còn có tài sản trên đất hoặc phát sinh tranh chấp với người thứ ba thì Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu đòi nợ và xử lý quyền sử dụng đất thế chấp; còn quyền, lợi ích của người có tài sản trên đất được dành cho các bên tự thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

Do đó, việc cấp sơ thẩm không đưa bà H1, bà L2, ông Đ và ông T3 tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến phải hủy án. Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm phát sinh quyền lợi liên quan đến tài sản trên đất thì các bên có quyền tự thỏa thuận theo quy định pháp luật hoặc khởi kiện bằng vụ án khác để được xem xét, giải quyết.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C cung cấp Thông báo số 415/TB-TLVA ngày 11/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long về việc thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa 180, tờ bản đồ

số 10 giữa nguyên đơn bà Lê Thị H1 với bị đơn ông Trần Huy C. Đồng thời yêu cầu nhập vụ án để giải quyết đồng thời quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp trong cùng vụ án. Tuy nhiên, tại thời điểm thế chấp thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Huy C, ông C và bà N đã có cam kết bằng văn bản, ông bà là chủ sử dụng đất, chủ sở hữu hợp pháp đối với quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đồng thời quyền sử dụng đất cũng không có tranh chấp. Hơn nữa, các bên cũng không thế chấp tài sản trên đất nên trong trường hợp này hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng và ông C, bà N là hợp pháp; Ngân hàng là bên nhận thế chấp ngay tình nên được pháp luật bảo vệ. Việc phát sinh tranh chấp giữa ông C và bà H1 không làm thay đổi hiệu lực của hợp đồng thế chấp nên việc Tòa án nhân dân khu vực 1 thụ lý, giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp giữa Ngân hàng S và Công ty TNHH C.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 (S), buộc Công ty TNHH C thanh toán nợ vay và xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Đối với đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến thửa đất 180, tờ bản đồ số 10 là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2025/KDTM-ST ngày 01/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 30, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 119, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 (S) đối với Công ty TNHH C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 (S) tổng số tiền là 39.818.195.089 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ tám trăm*

mười tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng), trong đó dư nợ gốc hiện tại là 23.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.246.695.698 đồng, lãi quá hạn là 5.537.042.222 đồng, lãi chậm trả lãi là 34.457.169 đồng.

Công ty TNHH C phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số: 002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 30/7/2021; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: PL01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 08/9/2021 và các Khế ước nhận nợ số 01-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 02/8/2021; số 02-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 05/8/2021 và số 03-002/2021/HDHM-PN/SHB.131401 ngày 10/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP S1 (S), Chi nhánh T5 với Công ty TNHH C đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 01/10/2025 đến khi thi hành án xong.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH C không thanh toán hết các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP S1 (S) thì Ngân hàng TMCP S1 (S) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 638,4m² thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 10, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 482533, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06651 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/02/2021 cho ông Trần Huy C;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 1375,9 m² thuộc thửa đất số 478, tờ bản đồ số 10, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 482534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/02/2021 cho ông Trần Huy C;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 7799,7m² thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 10, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 842064, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02131 do UBND huyện C cấp ngày 13/12/2012, cập nhật biến động ngày 08/05/2019;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 1752,9m² thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 436699, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS05448 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2018, cập nhật diện tích ngày 15/04/2020, cập nhật biến động chủ sở hữu ngày 01/09/2021;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH C đối với Ngân hàng TMCP S1 (S). Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S1 (S).

2. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 869.000 đồng (T4 trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Nguyên đơn tự nguyện chịu nên được ghi nhận và đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 147.818.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S1 (S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 69.260.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001279 ngày 14/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Vĩnh Long).

3.2. Án phí phúc thẩm:

Buộc Công ty TNHH C phải chịu 2.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010589 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Phòng GDKT, TT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương